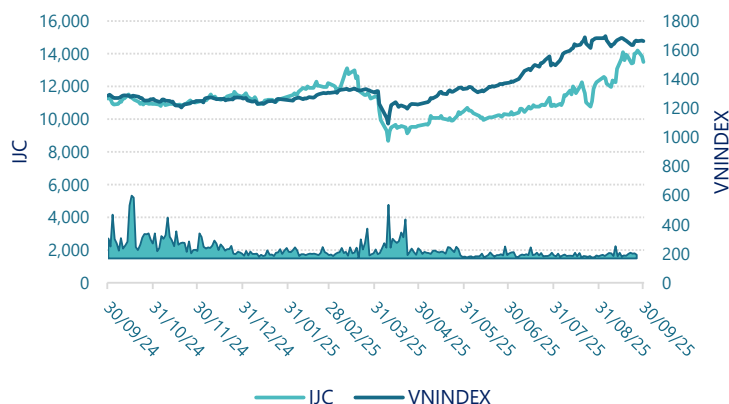


CTCP Phát triển Hạ tầng Kỹ thuật (HSX: IJC)

Lịch sử giá



Thông tin giao dịch 30/09/2025

Giá hiện tại (VNĐ)	13,500
Cao nhất 52 tuần (VNĐ)	14,200
Thấp nhất 52 tuần (VNĐ)	8,674
SL cổ phiếu LH	629,580,640
KLGD BQ 20 phiên (CP)	8,065,720
% sở hữu nước ngoài	3.2%
Vốn điều lệ (tỷ VNĐ)	
Vốn hóa (tỷ VNĐ)	8,499
P/E	15.4
EPS	879

DT thuần

Q3/25

672

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 497 | 284%

YoY: ▲ 483 | 255%

LN sau thuế

Q3/25

254

tỷ VNĐ

QoQ: ▲ 157 | 161%

YoY: ▲ 167 | 194%

Tỷ suất lãi EBIT

Q3/25

46.0%

+/- YoY: ▼ 10.4%

DT thuần

9T 2025

997

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 283 | 39.5%

LN sau thuế

9T 2025

397

tỷ VNĐ

YoY: ▲ 198 | 99.3%

ROE

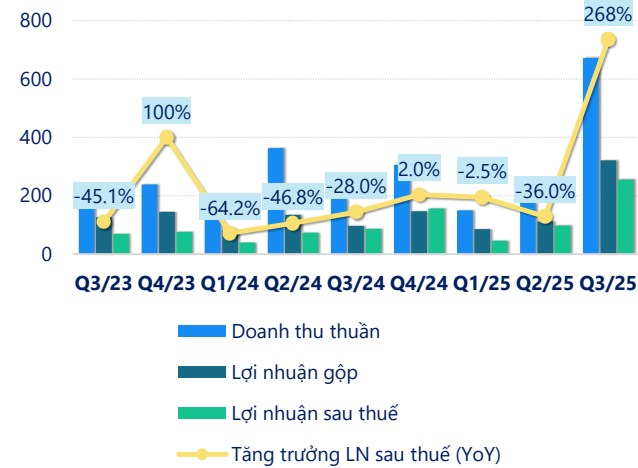
Q3/25

10.7%

+/- YoY: ▲ 4.4%

tỷ VNĐ

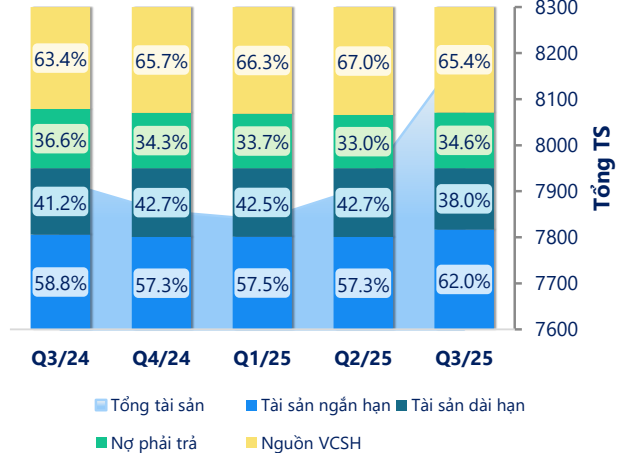
Kết quả kinh doanh



(Nguồn: fireant.vn)

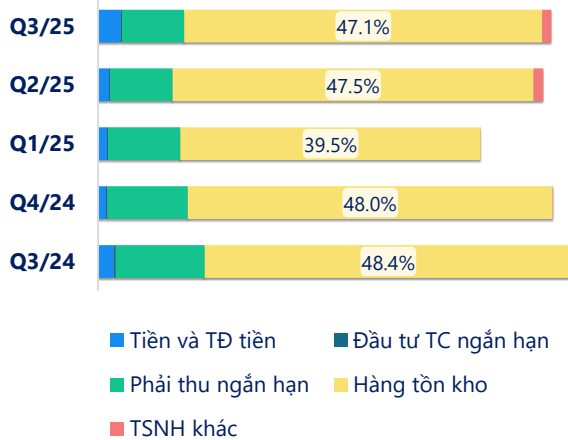
Cơ cấu Tổng tài sản

tỷ VNĐ



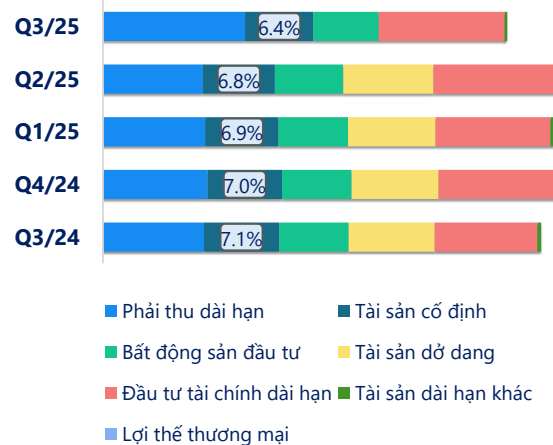
(Nguồn: fireant.vn)

Cơ cấu Tài sản ngắn hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

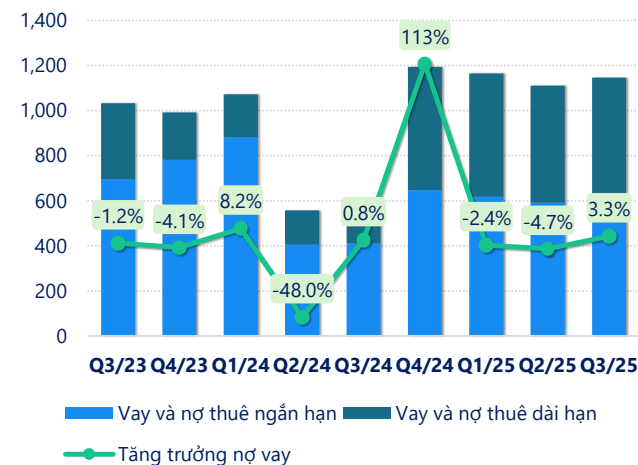
Cơ cấu Tài sản dài hạn/Tổng TS



(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

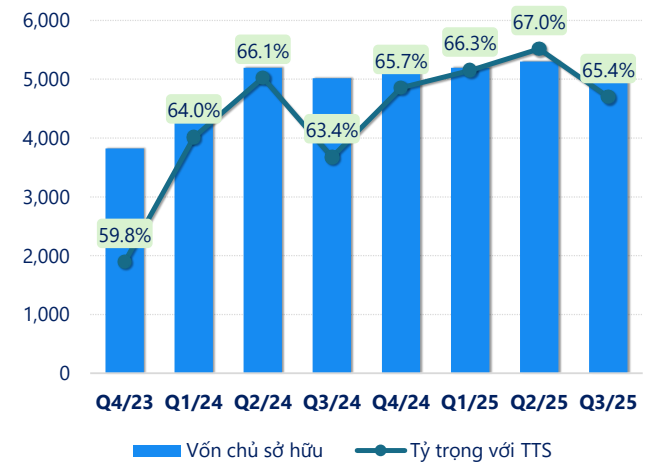
Nợ vay



(Nguồn: fireant.vn)

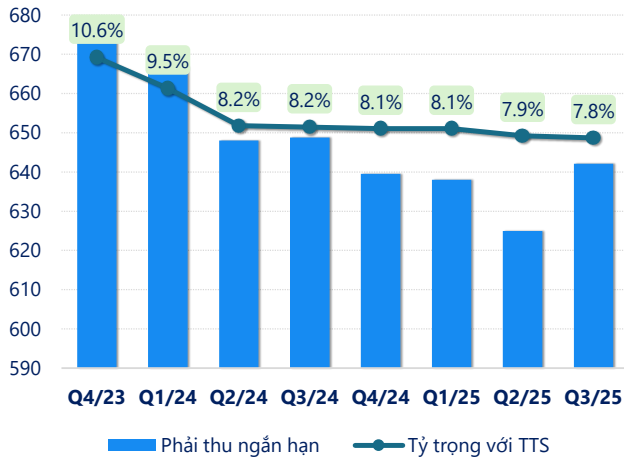
tỷ VNĐ

Vốn chủ sở hữu



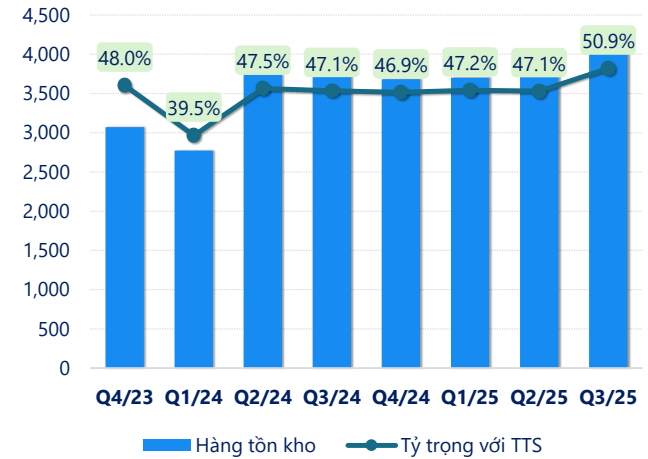
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Phải thu ngắn hạn


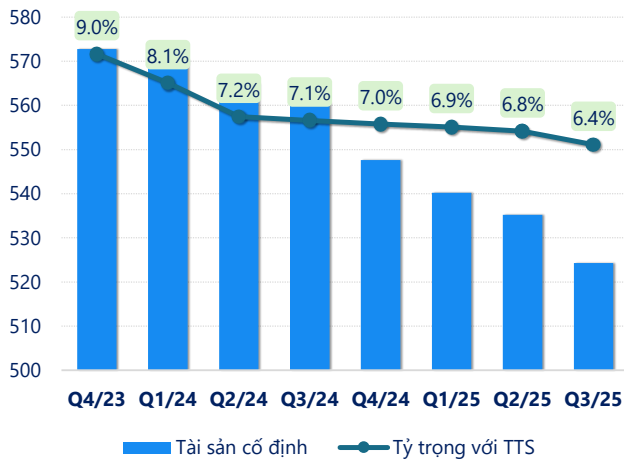
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

Hàng tồn kho


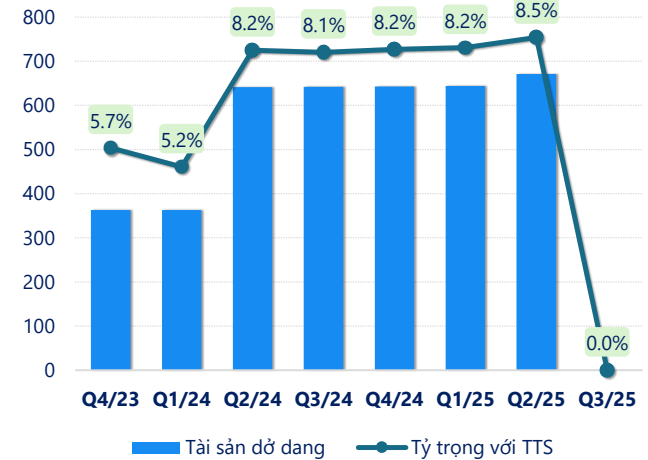
(Nguồn: fireant.vn)

tỷ VNĐ

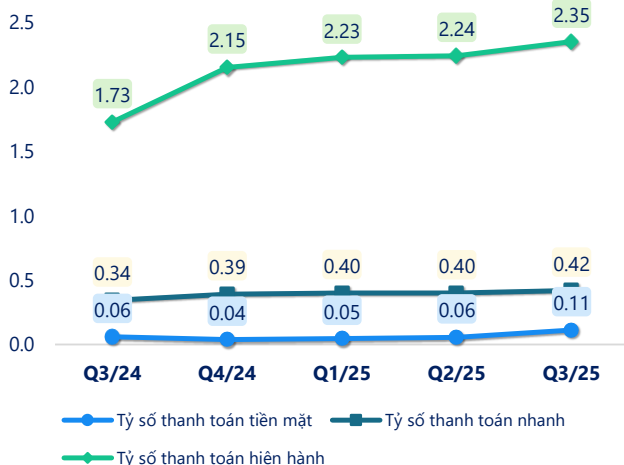
Tài sản cố định


(Nguồn: fireant.vn)

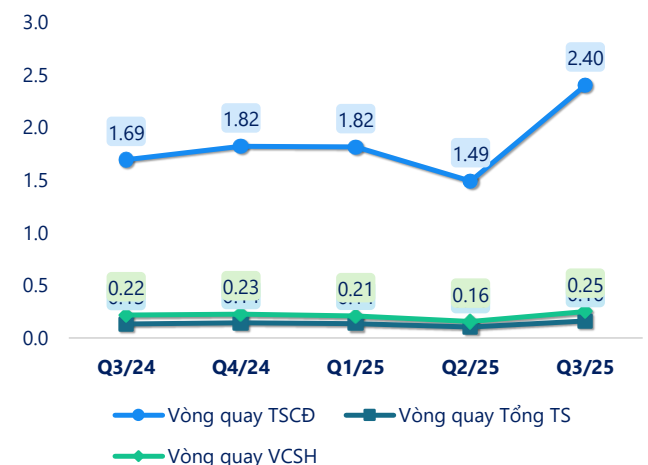
tỷ VNĐ

Tài sản dở dang


(Nguồn: fireant.vn)

Chỉ số thanh khoản


(Nguồn: fireant.vn)

Vòng quay tài sản


(Nguồn: fireant.vn)

CÂN ĐỐI KẾ TOÁN (tỷ VNĐ)	Q3/24	Q4/24	Q1/25	Q2/25	Q3/25
Tổng tài sản	7,922	7,857	7,838	7,909	8,206
Tài sản ngắn hạn	4,657	4,501	4,510	4,530	5,087
Tiền và tương đương tiền	162	79.9	91.9	114	243
Đầu tư tài chính ngắn hạn	16.3	16.3	5.80	0.75	14.3
Phải thu ngắn hạn	649	640	638	625	642
Hàng tồn kho	3,733	3,683	3,700	3,725	4,180
Tài sản ngắn hạn khác	96.9	82.5	74.7	66.5	8.05
Tài sản dài hạn	3,264	3,356	3,328	3,378	3,120
Phải thu dài hạn	752	774	754	743	1,097
Tài sản cố định	561	548	540	535	524
Bất động sản đầu tư	517	515	512	509	507
Tài sản dở dang	642	643	644	671	0
Đầu tư tài chính dài hạn	764	846	847	895	970
Tài sản dài hạn khác	29.0	31.4	30.7	24.5	21.2
Lợi thế thương mại	0	0	0	0	0
Nợ phải trả	2,903	2,694	2,641	2,607	2,840
Nợ ngắn hạn	2,696	2,092	2,024	2,021	2,163
Vay và nợ thuê ngắn hạn	410	647	618	591	543
Phải trả người bán ngắn hạn	1,430	697	696	714	622
Nợ dài hạn	207	602	617	587	676
Vay và nợ thuê dài hạn	152	547	547	519	604
Nguồn vốn chủ sở hữu	5,018	5,163	5,197	5,301	5,367
Vốn chủ sở hữu	5,018	5,163	5,197	5,301	5,367
Vốn điều lệ	3,777	3,777	3,777	3,777	3,777
Kinh phí và quỹ khác	0	0	0	0	0

(Nguồn: fireant.vn)